

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 93/2024/HS-ST

Ngày 10-7-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Thu Hà và bà Nguyễn Thị Thơ.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy - Thư ký Tòa án.

Đại diện VKSND huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Ông Tô Tuấn D - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 71/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2024/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thành L, sinh ngày: 13/5/1990 tại huyện T, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: tổ dân phố H, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc Kinh; Giới tính Nam; Tôn giáo không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Duy C – đã chết và bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1966, trú tại tổ dân phố H, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình. Vợ: Nguyễn Thị L2, sinh năm 1993; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2020. Tiền sự: Không. Tiền án: 1, Bản án số 99/2022/HSST ngày 18/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xử phạt Nguyễn Thành L 1 năm cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung 3.000.000 đồng về tội Đánh bạc, ngày 27/11/2023 chấp hành xong thời gian cải tạo không giam giữ, ngày 16/12/2022 chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt bổ sung. Nhân thân: Tháng 02/2009 đến tháng 01/2011 tham gia nghĩa vụ quân sự, đóng quân tại Trung đoàn 2, Sư đoàn C1, Quân khu C2 tại C - Hải Dương. Sau xuất ngũ lao động tại địa phương cho đến nay. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/3/2024 đến ngày 30/3/2024 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T. Được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Quang S, sinh ngày 02/08/1990 tại huyện T, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: tổ dân phố H, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc Kinh; Giới tính Nam; Tôn giáo không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Quang X sinh năm 1957 và bà Lê Thị G sinh năm 1960, đều trú tại tổ dân phố H, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình. Vợ: Đoàn Thị T, sinh năm 1994, trú tại tổ dân phố H, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái

Bình. Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2019. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/3/2024 đến ngày 30/3/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình. Có mặt tại phiên tòa.

3. **Vũ Viết T1**, sinh ngày: 03/3/1984 tại huyện T, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc Kinh; Giới tính Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Vũ Viết T2 và bà Nguyễn Thị R (đều đã chết). Vợ: Mai Thị T3, sinh năm 1989, trú tại thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình. Bị cáo có 01 con sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/3/2024 đến ngày 30/3/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình. Có mặt tại phiên tòa.

4. **Nguyễn Chí T4**, sinh ngày: 16/11/1974 tại huyện T, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 08/10; Dân tộc Kinh; Giới tính Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Chí T5 (đã chết) và bà Vũ Thị H sinh năm 1949, trú tại thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình. Vợ: Nguyễn Thị Bình sinh năm 1979, trú tại thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình. Bị cáo có 03 con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2014. Nhân thân: Tháng 9/1993 đến tháng 02/1996 tham gia nghĩa vụ quân sự tại L 146, vùng 4 H. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/3/2024 đến ngày 30/3/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình. Có mặt tại phiên tòa.

5. **Vũ Viết T6**, sinh ngày: 14/4/1984 tại huyện T, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc Kinh; Giới tính Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Vũ Viết V sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị T7, sinh năm 1964, đều trú tại thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình. Vợ: Nguyễn Thị H1, sinh năm 1984, trú tại thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình. Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/3/2024 đến ngày 30/3/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình. Có mặt tại phiên tòa.

6. **Lê Văn H2**, Sinh ngày: 02/01/1996 tại huyện G, tỉnh Ninh Bình; Nơi đăng ký thường trú: thôn L, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình. Chỗ ở hiện tại: tổ dân phố H, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc Kinh; Giới tính Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam. Cha đẻ không xác định; mẹ đẻ: Lê Thị Ánh T8 (đã chết). Vợ: Nguyễn Thị Minh T9, sinh năm 2001, trú tại tổ dân phố H, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình. Bị cáo có 03 con, lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2020, 2024. Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Tại bản án số 09/2015/HSST ngày 29/01/2015 của Tòa án nhân

dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xử phạt 2 năm 3 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, ngày 09/10/2016 chấp hành xong án phạt tù, ngày 18/3/2015 nộp xong án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/3/2024 đến ngày 30/3/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình. Có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Chị Nguyễn Như H3, sinh năm 1998; Nơi cư trú: Thôn D, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình. (Có mặt)

** Người làm chứng:*

Anh Vũ Viết T10, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 27/3/2024, Nguyễn Quang S, Nguyễn Thành L, Lê Văn H2, Vũ Viết T1, Vũ Viết T6 và Nguyễn Chí T4 đến nhà con gái của Nguyễn Chí T4 là chị Nguyễn Như H3 tại thôn D, xã H ngồi chơi uống nước, lúc này chị H3 và chồng là Đỗ Công T11 đều vắng nhà chỉ có các cháu Đỗ Công P, sinh năm 2015 và Đỗ Công S1, sinh năm 2018 ở nhà. 06 người ngồi uống nước, đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày thì cùng rủ nhau lên phòng chứa đồ tầng 2 nhà chị H3 đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh L3. Khi lên phòng chứa đồ thì Chí T4 và Sáng chải chặn xuống nền còn H2 và Viết T1 lấy bộ bài tú lơ khơ 52 quân có sẵn ở trên mặt bàn học cầm xuống để chơi. Mọi người thống nhất cách chơi: Bắt đầu chơi 06 người bốc bài, ai nhất thì người đó làm cái và chia cho mỗi người ba lá bài, mỗi người bỏ ra giữa chiếu 20.000 đồng gọi là vào gà, khi lên bài nếu ai muốn tố thì tiếp tục bỏ tiền vào gà nhưng không quá 200.000 đồng, thứ tự theo vòng người nào là cái thì tố bài trước, ai không theo thì úp bài và nhận thua, ai có bài cao hơn thì người đó sẽ thắng và thu hết tiền gà; Khi lật bài để biết người về nhất tính như sau: Bài nào có sấp là lớn nhất rồi đến liêng, sau đó đến ảnh, sau cùng là tính điểm; Sấp nghĩa là 03 lá bài giống nhau, theo thứ tự lớn nhất là sấp A (Át) rồi đến sấp K, sấp Q, sấp J rồi xuống đến cuối cùng là sấp 2 (hai); Liêng nghĩa là bài có 03 lá liền nhau như Q, K, A đồng thời cũng là liêng to nhất; Ảnh là bài có 02 lá K (ka) và một lá Q (quy) hoặc bất kỳ nhưng chỉ tính trong số những lá bài J, Q, K và ảnh có đôi K là to nhất; Khi cộng điểm 03 lá bài trên tay thì tính điểm Át là (một) cho đến 9 còn các lá bài 10, J, Q, K thì là 0 (không) điểm, cộng ba lá bài với nhau lấy số lẻ để tính và 9 điểm là to nhất; Khi các bài có liêng, ảnh và điểm bằng nhau thì độ chất, theo thứ tự từ to xuống bé là chất Rô - Cơ - Nhép - Bích. Khi mọi người đang chơi thì ông Vũ Viết T10 đến ngồi xem 06 người đánh bạc, đến 11 giờ 30 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an huyện T, kiểm tra, phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 7.370.000 đồng (bảy triệu ba

trăm bảy mươi nghìn đồng), 01 bộ bài tú lơ khơ có 52 lá bài và 02 chiếc chắn. Tổ công tác đã mời người chứng kiến đến tiến hành lập biên bản và niêm phong vật chứng.

Khi tham gia đánh bạc trái phép các bị cáo đã thừa nhận mang theo số tiền để sử dụng vào mục đích đánh bạc như sau: Nguyễn Thành L có khoảng 3.700.000 đồng, Lê Văn H2 có khoảng 400.000 đồng, Vũ Viết T6 có khoảng 460.000 đồng, Nguyễn Chí T4 có khoảng 480.000 đồng, Vũ Viết T1 có khoảng 680.000 đồng, Nguyễn Quang S có khoảng 960.000 đồng.

Bản cáo trạng số 74/CT-VKS ngày 27/5/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố các bị cáo Nguyễn Quang Sáng, Nguyễn Thành Long, Lê Văn H2, Vũ Viết T1 và Vũ Viết T6, Nguyễn Chí T4 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi nêu trên.

Luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quang S, Nguyễn Thành L, Lê Văn H2, Vũ Viết T1 và Vũ Viết T6, Nguyễn Chí T4 phạm tội “Đánh bạc”.

Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; khoản 3 Điều 35; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, 38, Điều 50, 58 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt Nguyễn Thành L từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Phạt bổ sung từ 7.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; khoản 3 Điều 35; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, 38, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt Lê Văn H2 từ 07 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng. Phạt bổ sung từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; khoản 3 Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 38, Điều 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt Nguyễn Quang S từ 07 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng. Phạt bổ sung 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; khoản 3 Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51; (khoản 2 Điều 51 đối với Nguyễn Chí T4); Điều 17, 38, Điều 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt Vũ Viết T6, Nguyễn Chí T4, Vũ Viết T1 03 bị cáo từ 06 tháng đến 07 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 14 tháng. Phạt bổ sung 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng và án phí.

Các bị cáo đều không có ý kiến gì về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, xử lý vật chứng và không tranh luận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận gì.

Trình bày lời nói sau cùng, cả 06 bị cáo đều trình bày: Các bị cáo ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của bản thân, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt tiền cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận: Hồi 11 giờ 30 phút ngày 27/3/2024, tại nhà ở của gia đình chị Nguyễn Như H3, Nguyễn Thành L, Lê Văn H2, Vũ Viết T6, Nguyễn Chí T4, Nguyễn Quang S, Vũ Viết T1 cùng nhau đánh bạc trái phép bằng hình thức chơi liêng với tổng số tiền dùng đánh bạc là 7.370.000 đồng (bảy triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng). Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Bản tự khai, biên bản lấy lời khai của các bị cáo; biên bản lấy lời khai người làm chứng. Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo đều là người trên 18 tuổi, có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Các bị cáo đều nhận thức được việc thực hiện hành vi đánh bạc dưới bất kỳ hình thức nào với mục đích được thua bằng tiền hay hiện vật mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 7.370.000 đồng. Từ những căn cứ trên có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Thành L, Lê Văn H2, Vũ Viết T6, Nguyễn Chí T4, Nguyễn Quang S, Vũ Viết T1 đã phạm vào tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Điều 321. Tội đánh bạc:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng."

[3]. Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thân quen, không có ai xúi giục cầm đầu. Quá trình đánh bạc các bị cáo không lắp đặt trang thiết bị phục vụ cho việc đánh bạc, không sử dụng phương tiện để trợ giúp cho việc đánh bạc, không phân công người canh gác phục vụ khi đánh bạc, không thu tiền hồ. Bị cáo Nguyễn Thành L sử dụng số tiền nhiều nhất để đánh bạc nên giữ vai trò thứ nhất. Các bị cáo còn lại sử dụng số tiền đánh bạc xấp xỉ nhau nên vai trò của các bị cáo ngang nhau và cùng xếp vai trò thứ hai trong vụ án.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Lê Văn H2, Vũ Viết T6, Nguyễn Chí T4, Nguyễn Quang S, Vũ Viết T1 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Nguyễn Thành L phạm tội trong thời gian chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Vũ Viết T6, Nguyễn Chí T4, Nguyễn Quang S, Vũ Viết T1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Thành L, Nguyễn Chí T4 có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự, bị cáo Lê Văn H2 có hoàn cảnh gia đình khó khăn là lao động duy nhất trong gia đình phải nuôi 03 con nhỏ, vợ nghề nghiệp không ổn định và đang phải nghỉ thai sản để nuôi con thứ ba sinh tháng 6 năm 2024 bị cáo không có bố, mẹ bị cáo đã chết nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6]. Về hình phạt chính: Sau khi đánh giá toàn diện về hành vi, vai trò, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự HĐXX thấy rằng:

Bị cáo Nguyễn Thành L có tiền án, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo.

Các bị cáo Vũ Viết T6, Nguyễn Chí T4, Nguyễn Quang S, Vũ Viết T1 đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo Lê Văn H2 từng bị kết án về tội Cố ý gây thương tích vào năm 2015 nhưng đã được xóa án tích, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn có 03 con nhỏ, vợ đang nghỉ thai sản bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình và có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, xử phạt các bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, tạo điều kiện cho các bị cáo tự cải tạo trong sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đánh bạc nhằm mục đích kiếm lời, do đó cần áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự, để xử phạt tiền đối với các bị cáo. Tuy nhiên các bị cáo đều là lao động tự do, có hoàn cảnh khó khăn nên cần xử mức dưới khung hình phạt. Trong đó bị cáo Nguyễn Thành L sử dụng số tiền nhiều nhất nên cần xử phạt số tiền cao hơn là 7.000.000 đồng, đối với các bị cáo còn lại xử phạt mức tiền 5.000.000 đối với một bị cáo là phù hợp.

[8]. Về xử lý vật chứng: Số tiền 7.370.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc là số tiền dùng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước; 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân là phương tiện phạm tội cần tịch thu tiêu hủy; 02 chiếc chăn gia đình chị H3 xác định đã không còn giá trị sử dụng, không xin nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Khi các bị cáo đến nhà chị H3, anh T11 chơi và tự ý đánh đánh bạc, vợ chồng chị H3, anh T11 không ở nhà và không biết việc các bị cáo đánh bạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không xử lý là đúng quy định.

[10]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[11]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quang S, Nguyễn Thành L, Lê Văn H2, Vũ Viết T1 và Vũ Viết T6, Nguyễn Chí T4 phạm tội “Đánh bạc”.

2. Hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 35; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thành L. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/3/2024. Xử phạt bổ sung bị cáo 7.000.000 đồng sung quỹ nhà nước.

2.2. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 35; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Văn H2. Xử phạt bị cáo Lê Văn H2 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm 02 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Xử phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) sung quỹ nhà nước.

2.3. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51 (khoản 2 Điều 51 đối với các bị cáo Nguyễn Chí T4); Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Quang S, Vũ Viết T1, Vũ Viết T6, Nguyễn Chí T4.

Xử phạt các bị cáo Nguyễn Chí T4, Nguyễn Quang S, Vũ Viết T1, Vũ Viết T6 mỗi bị cáo 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 01 năm kể

từ ngày tuyên án sơ thẩm. Xử phạt bổ sung 04 bị cáo mỗi bị cáo 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) sung quỹ nhà nước.

Giao các bị cáo Nguyễn Quang S, Lê Văn H2, Vũ Việt T1, Vũ Việt T6 và Nguyễn Chí T4 cho Ủy ban nhân dân xã nơi các bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự 2019.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự: Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 7.370.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc; Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân; 02 chiếc chăn. *(Các tài sản, đồ vật trên có đặc điểm ghi trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án huyện T).*

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án cả 06 bị cáo mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng Hình sự các bị cáo, chị Nguyễn Như H3 có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án 10/7/2024.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- VKSND Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Công an Thái Thụy;
- Chi cục THADS Thái Thụy;
- Tòa án ND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- UBND xã Thái Xuyên, huyện Thái Thụy;
- UBND thị trấn Vĩnh Trụ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.
- Lưu HCTP; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Vương